

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BG
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 tháng 4 năm 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng;
2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tổng Lan Hương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 430/2021/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 12 năm 2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 319/2022/TB-TA ngày 20/4/2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ HKTT: Số 154 đường LTT, tổ NG, phường XG, thành phố BG, tỉnh BG.

Nơi ở: Tầng 17D5, toà CT1A, chung cư Green City, đường TQK, thành phố BG, tỉnh BG.

**Bị đơn:* Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1974.

Địa chỉ HKTT: Số 154 đường LTT, tổ NG, phường XG, thành phố BG, tỉnh BG.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Thái H tại UBND xã MH, huyện LG vào ngày 17/01/2003 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ, anh chị chung sống với nhau ngay và có thời gian đầu hạnh phúc. Khoảng 03 năm gần đây, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và thiếu tôn trọng lẫn nhau. Chị và anh H đã ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Thái H.

Về con chung: Chị xác định chị và anh H có 02 con chung Nguyễn Trần Khánh Linh, sinh ngày 10/10/2003 và Nguyễn T H, sinh ngày 02/2/2009. Cháu K Lũ đã trưởng thành, chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung Nguyễn T H, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Hiện chị đang kinh doanh tự do, thu nhập khoảng 20.000.000đồng/ 01 tháng. Chị đang cư trú ổn định tại Tầng 17D5, toà CT1A, chung cư Green City, đường TQK, thành phố BG, tỉnh BG, đây là căn nhà chị thuê ở từ thời điểm ly thân anh H.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ, bị đơn là anh Nguyễn Thái H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận anh và chị Trần Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã MH, huyện LG. Vợ chồng mâu thuẫn từ tháng 5 năm 2021 và ly thân đó cho đến nay. Tuy nhiên, anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc con chung.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung Nguyễn Trần Khánh Linh, sinh ngày 10/10/2003 và Nguyễn T H, sinh ngày 02/2/2009. Cháu K Lũ đã trưởng thành, anh không yêu cầu Toà án giải quyết. Từ khi chị T sống ly thân, thuê nhà ở riêng, anh là người trực tiếp chăm sóc cháu Hưng. Nay anh yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Hưng, không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện anh đang là giáo viên Trường THCS Đinh Kế, thành phố BG, thu nhập bình quân 10.000.000đồng/01 tháng. Anh và cháu Hưng đang sinh sống ổn định tại số nhà 154 đường LTT, tổ NG, phường XG, thành phố BG, tỉnh BG.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 24/3/2022 tại tổ dân phố NG, phường XG, thành phố BG, được cung cấp như sau: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thái H đều là công dân tổ dân phố NG, đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 154 đường LTT, phường XG, thành phố BG. Quá trình chung sống, anh*

chị có mâu thuẫn như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ. Nay chị T yêu cầu được ly hôn anh H, đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

** Tại phiên tòa hôm nay:*

Nguyên đơn – Chị Trần Thị T giữ yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thái H và nuôi con chung Nguyễn T H, không yêu cầu Toà án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn - Anh Nguyễn Thái H vắng mặt.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28; 35, 39, 147, 271, 273, 227, 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn T H, sinh ngày 02/02/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

+ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định, trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường XG, thành phố BG, tỉnh BG. Tòa án nhân dân thành phố BG thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Thái H vắng mặt tại phiên tòa dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn ngày 17/01/2003 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MH, huyện LG, tỉnh BG và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T

xác định sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khoảng 03 năm gần đây liên tục xảy ra mâu thuẫn, chị xác định vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Toà án đã tiến hành hoà giải cho anh chị nhiều lần nhưng đều hòa giải không thành. Mặt khác, kể từ khi chị T nộp đơn khởi kiện cho đến nay, chị và anh H vẫn xác nhận đã ly thân, chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là: Nguyễn Trần Khánh Linh, sinh ngày 10/10/2003 và Nguyễn T H, sinh ngày 02/2/2009. Cháu K Lã đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T và anh H đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn T H. Hội đồng xét xử xét thấy: Về điều kiện công việc và thu nhập, chị T và anh H đều có công việc và mức thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con. Xét về chỗ ở: Hiện chị T và anh H đều có nhà ở tại số nhà 154 đường LTT, phường XG, thành phố BG. Con chung của anh chị là cháu Hưng có nguyện vọng ở với chị T. Hơn nữa, cháu Hưng tuổi còn nhỏ, chị T là người mẹ sẽ có nhiều điều kiện chăm sóc con chung. Do vậy, cần giao cho chị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hưng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con nên Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi trong con trường hợp các đương sự có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thái H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn T H, sinh ngày 02/02/2009.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001299 ngày 28/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BG, tỉnh BG.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. BG;
- CCTHADS TP. BG;
- TAND tỉnh BG;
- UBND xã MH, huyện LG, tỉnh BG;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Mạnh Thắng

